

sống chung không còn hạnh phúc nên ly thân 01 năm nay. Vì vậy, anh C yêu cầu ly hôn với chị Tô Thị A.

Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Phan Khánh D, sinh năm 2002 và Phan Thị Anh T, sinh ngày 16/3/2013. Khi ly hôn anh C yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu T nhưng không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung anh và chị Tô Thị Anh tự thỏa thuận, nợ chung không có nên anh C không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phan Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Tô Thị A. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Chị Tô Thị A có địa chỉ cư trú tại ấp 5, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C và chị Tô Thị A nhưng anh chị có yêu cầu xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh C và chị Tô Thị A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/8/2007. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân với khoảng thời gian dài mà không có thiện chí đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh chị không thống nhất hàn gắn mà yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét

xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho anh Phan Văn C và chị Tô Thị A được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống anh chị có hai người con chung tên Phan Khánh D, sinh năm 2002 và Phan Thị Anh T, sinh ngày 16/3/2013. Xét thấy, tại đơn khởi kiện anh C yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Anh T là có căn cứ. Bởi vì, cháu T hiện do anh C nuôi dạy nên việc hoán đổi người trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm cháu T. Hơn nữa cháu T đã trên 07 tuổi nên nguyện vọng được ở với anh C là phù hợp; và chị Tô Thị A cũng thống nhất giao cháu T cho anh C nuôi dạy theo nguyện vọng của cháu T. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu T cho anh C nuôi dạy. Riêng con chung tên Phan Khánh D, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên anh C không yêu cầu, vì vậy hội đồng xét xử không xét.

Anh C không yêu cầu chị Tô Thị A cấp dưỡng nuôi cháu Thu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị Tô Thị A xác định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Phan Văn C và chị Tô Thị A được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Tô Thị A có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Phan Thị Anh T, sinh ngày 16/3/2013 (giới tính nữ) cho anh Phan Văn C tiếp tục nuôi dạy. Chị Tô Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Tô Thị A không trực tiếp nuôi dạy cháu

T nhưng chị có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Văn C phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 22 tháng 5 năm 2024 anh C có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0016226 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Lệ Hoa – Lê Thị Duyên

Nguyễn Kiều Trang